
Bản án số: 31/2018/DSST
Ngày: 27/11/ 2018
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Văn Thang
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 336/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Trương Thúy V** - SN 1993 (Có mặt)

ĐKKHKT: xóm 5, xã Y, huyện T, TP Hà Nội

Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện T, TP Hà Nội

- **Bị đơn:** **Anh Đặng Tiến Đ** - SN 1993 (Vắng mặt)

ĐKKHKT+nơi cư trú: xóm 5, xã Y, huyện T, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/8/2018 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trương Thúy V trình bày:

Chị và anh Đặng Tiến Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2012 tại UBND xã Y, huyện T, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với gia đình nhà chồng tại xã Y, huyện T, TP Hà Nội. Vợ chồng sống chung đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh Đ không chịu lao động, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng nhiều lần đánh cãi chửi nhau. Đến

cuối năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng, anh Đ đánh đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống tại xã T, huyện T và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị không chấp nhận lời xin lỗi của anh Đ nên anh Đ đã luôn chửi bới, gây áp lực cho chị trong cuộc sống. Trước đây chị đã một lần gửi đơn đến Tòa xin ly hôn, nhưng sau đó rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng, chị xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đặng Yên N sinh ngày 05/3/2013. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung, chị V không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 14/9/2018 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là anh Đặng Tiến Đ trình bày:

Anh và chị Trương Thúy V kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Y, huyện T, TP Hà Nội ngày 21/7/2012. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống tại xóm 5, xã Y, huyện T, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Chị V trình bày vợ chồng có mâu thuẫn như trên là không đúng. Năm 2016, chị V tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh đã nhiều lần sang đón nhưng chị V không về. Anh xin có thời hạn khoảng 3 tháng để thuyết phục chị V quay về đoàn tụ và anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh Đ xác nhận vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Đặng Yên N sinh ngày 05/3/2013. Nếu chị V cương quyết xin ly hôn thì anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung và anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thúy V đối với anh Đặng Tiến

Đ. Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Yến N sinh ngày 05/3/2013. Giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không tranh chấp, không yêu cầu gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Trương Thúy V và anh Đặng Tiến Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/7/2012 tại UBND xã Y, huyện T, TP Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm 5, xã Y, huyện T, TP Hà Nội. Chị V khai, trong cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được. Anh Đ khai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng theo xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú thì vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân khoảng hai năm nay. Đây là lần thứ hai chị V làm đơn đến Tòa xin ly hôn. Anh Đ xin thời hạn để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, theo cung cấp của chính quyền địa phương thì anh Đ đã vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Tòa án nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Như vậy chứng tỏ anh Đ không có động thái tích cực để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị V là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thúy V đối với anh Đặng Tiến Đ.

[2] Về con chung: chị V, anh Đ đều xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Yến N sinh ngày 05/3/2013. Chị V và anh Đ đều có quan điểm xin được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con chung sau ly hôn. Xét nguyện vọng của anh chị đều chính đáng, tuy nhiên để đảm bảo cho con chung được chăm sóc tốt nhất, cháu bé là nữ, hiện đang còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Tại Tòa, chị V xuất trình được các tài liệu chứng cứ về thu nhập, chỗ ở để khẳng định cho việc đảm bảo đủ điều kiện nuôi

đưỡng con chung sau ly hôn; còn anh Đ không đến Tòa để chứng minh điều kiện nuôi con chung; như vậy trong trường hợp này thì chị V có đủ điều kiện để nuôi con sau khi ly hôn. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đặng Yến N sinh ngày 05/3/2013 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị V và anh Đ không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[4] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có do. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh Đ là phù hợp với khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Về án phí: chị V phải chịu án phí theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vỡ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 54, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thúy V được ly hôn anh Đặng Tiến Đ.

2. Về con chung: xác nhận chị V và anh Đ có 01 con chung là cháu Đặng Yến N sinh ngày 05/3/2013. Giao cháu Yến N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị V và anh Đ không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại biên lai số AA/2016/0008193 ngày 31/8/2018 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa